**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II– NĂM HỌC 2023 - 2024.**

**Môn: Lịch sử & Địa lí- Lớp 8**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng** **số** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Phân môn Lịch sử** |
|  | **SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KĨ THUẬT, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG CÁC THẾ KÌ XVIII-XIX** | Những thành tựu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII-XIX đối với xã hội loài người. | 2TN |  |  |  | 5%=0,5 điểm |
|  | **TRUNG QUỐC VÀ NHẬT BẢN TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX** | Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của cách mạng Tân Hợi.Nội dung chính, ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy Tân Minh Trị.Biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX | 4TN | ½ TL |  | ½ TL | 30%=3 điểm |
|  | **ẤN ĐỘ VÀ ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX** | Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX.Một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX |  |  | 1TL |  | 10%=1,0 điểm |
|  | **VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX** | Sự ra đời của nhà Nguyễn.Những nét chính về tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX. | 2TN |  |  |  | 5%=0,5 điểm |
| **Số câu/loại câu** | 8TN | 1/2TL | 1TL | 1/2TL | 10 câu (8TN; 2TL) |
| **Tỉ lệ** | 20% | 15% | 10% | 5% | 50% |
| **Phân môn Địa lí** |
| 1 | **ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG**  |  Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng Đặc điểm và sự phân bố của các nhóm đất chínhVấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở Việt Nam | 4TN\*(1đ) |  |  | 1TL\*a(0,5đ) | 15%1,5 điểm  |
| 2 | **ĐẶC ĐIỂM SINH VẬT****VIỆT NAM** | Đặc điểm chung của sinh vậtVấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam | 4TN\*(1đ) | 1TL(1,5đ) | 1 TL\*b(1đ) |  | 35%3,5điểm |
| **Số câu/loại câu** | 8 câu  TN  | 1 câu TL | ½ câu TL | ½ câuTL | 10 câu(8TN, 2TL) |
| **Tỉ lệ** | 20% | 15% | 10% | 5% | 50% |
| **Tổng chung** | 40% | 30% | 20% | 10% | 100% |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II– NĂM HỌC 2023 - 2024.**

**Môn: Lịch sử & Địa lí- Lớp 8**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng** **số** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Phân môn Lịch sử** |
|  | **SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KĨ THUẬT, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG CÁC THẾ KÌ XVIII-XIX** | Những thành tựu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII-XIX đối với xã hội loài người. | *\*Nhận biết*Nêu được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX.*\*Thông hiểu*- Mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX.*\*Vận dụng*- Phân tích được tác động của sự phát triển khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX. | 2TN |  |  |  | 5%=0,5 điểm |
|  | **TRUNG QUỐC VÀ NHẬT BẢN TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX** | Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của cách mạng Tân Hợi.Nội dung chính, ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy Tân Minh Trị.Biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX | *Nhận biết*- Trình bày được sơ lược về Cách mạng Tân Hợi năm 1911.- Nêu được những nội dung chính của cuộc Duy tân Minh Trị.*\*Thông hiểu*- Mô tả được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc.- Giải thích được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi.- Trình bày được ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy tân Minh Trị.- Trình bày được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX\*Vận dụng caoTác động của cuộc Duy tân Minh Trị và các mạng Tân Hợi đến tình hình Việt Nam vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX | 4TN | ½ TL |  | ½ TL | 30%=3 điểm |
|  | **ẤN ĐỘ VÀ ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX** | Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX.Một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX | *\*Nhận biết*- Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX.*\*Vận dụng*- Phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. |  |  | 1TL |  | 10%=1,0 điểm |
|  | **VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX** | Sự ra đời của nhà Nguyễn.Những nét chính về tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX. | *\*Nhận biết*- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn.*\*Thông hiểu*- Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn.- Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn. | 2TN |  |  |  | 5%=0,5 điểm |
| **Phân môn Địa lí** |
| **1** | **ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG**  | – Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng– Đặc điểm và sự phân bố của các nhóm đất chính– Vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở Việt Nam | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính.**Thông hiểu**– Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng. – Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.– Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản.**Vận dụng**– Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất. | 4TN\*(1đ) |  |  | 1TL\*a(0,5đ) | 15%1,5 điểm  |
| **2** | **ĐẶC ĐIỂM SINH VẬT VIỆT NAM** | – Đặc điểm chung của sinh vật– Vấn đề bảo tồn đa dạng sinh h ở Việt Nam | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm phân bố của của sinh vật**Thông hiểu**– Chứng minh được phân bố của của sinh vật– Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.**Vận dụng**– Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam. | 4TN\*(1đ) | 1TL(1,5đ) | 1 TL\*b(1đ) |  | 35%3,5điểm |
| **Số câu/loại câu** | 8 câu  TN  | 1 câu TL | ½ câu TL | ½ câuTL | 10 câu(8TN, 2TL) |
| **Tổng số** | 16TN | 1, ½ TL | 1, ½ TL | 1 TL | 16 TN, 4TL |
| **Tỉ lệ** | 40% | 30% | 20% | 10% | 100% |

|  |  |
| --- | --- |
|  | . |
|  |